

KẾ HOẠCH**chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang năm 2026***(sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 26-KH/TU, ngày 04/11/2025)*

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;

Căn cứ Kế hoạch số 11-KH/BCĐ ngày 27/3/2025 của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng về tổng thể triển khai thực hiện Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng;

Kế hoạch số 17-KH/BCĐ, ngày 31/01/2026 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng về chuyển đổi số trong các cơ quan đảng năm 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 25-KH/TU ngày 04/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025 - 2028;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang năm 2026 *(sửa đổi, bổ sung Kế hoạch số 26-KH/TU, ngày 04/11/2025)*, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU**1. Mục tiêu tổng quát**

Triển khai thực hiện toàn diện, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra tại Đề án về chuyển đổi số trong các cơ quan đảng; Tổ chức hạ tầng số, nền tảng số đồng bộ, hiện đại, thông suốt; tăng cường năng lực, tái cấu trúc hạ tầng kỹ thuật và tổ chức, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu phù hợp với kiến trúc chuyển đổi số trong các cơ quan đảng nhằm đổi mới, tạo chuyển biến toàn diện, mạnh mẽ, thực chất, góp phần nâng cao chất lượng lãnh đạo, chỉ đạo điều hành, phong cách công tác, lề lối làm việc hiệu quả, giảm thời gian giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức các cấp, cải cách thủ tục hành chính trong các cơ quan đảng tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể năm 2026**2.1. Đối với hạ tầng số**

- Đầu tư mua sắm trang thiết bị, hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây theo hướng dẫn của Trung ương. Thực hiện tiếp nhận và triển khai các dịch vụ hệ thống phần mềm thương mại, nền tảng số theo hướng dẫn của Trung ương.

- Trang cấp thiết bị đầu cuối cho 100% người dùng của các cơ quan đảng cấp tỉnh, cấp xã đảm bảo hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Thực hiện lộ trình của Trung ương về hoàn thành việc chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin hiện tại của các cơ quan đảng sang hạ tầng số bảo đảm an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có chức năng.

- Hoàn thành việc kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng với băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối các cơ quan đảng từ cấp tỉnh tới cấp xã; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; kết nối Internet có kiểm soát.

- 100% cán bộ trong các cơ quan đảng có trách nhiệm xử lý văn bản trên mạng, được trang bị chữ ký số và thực hiện việc ký số theo quy định.

2.2. Đối với ứng dụng số

- Tiếp nhận, hoàn thành 100% nền tảng, ứng dụng số sử dụng trong cơ quan đảng do Văn phòng Trung ương Đảng và các cơ quan có chức năng chuyển giao.

- Hướng dẫn quy trình nghiệp vụ, số hóa các đơn vị trong giai đoạn tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính.

- Duy trì, phát huy hiệu quả sử dụng phần mềm đặc thù của tỉnh như: Phần mềm hợp không giấy tờ; Cổng thông tin điện tử của Đảng bộ tỉnh; Nền tảng số hóa tài liệu cơ quan Đảng và các ứng dụng khác phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

2.3. Đối với dữ liệu số

- Phần đầu trên 90% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở được đánh giá, bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Phần đầu trên 100% thông tin về tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

- 100% nội dung công tác tuyên giáo và dân vận được thực hiện trên môi trường số; thông tin, dữ liệu, văn bản về các lĩnh vực trong công tác tuyên giáo được cung cấp chính thức, kịp thời.

- 100% nội dung công tác thông tin tuyên truyền đối ngoại được số hoá và thực hiện trên môi trường số.

- Phần đầu trên 70% các vụ việc, khiếu nại tố cáo, dấu hiệu vi phạm của cán bộ, công chức, đảng viên được quản lý trên môi trường số.

- 100% đơn, thư, khiếu nại, tố cáo được thực hiện trên môi trường số.

- 100% công tác tổng hợp, báo cáo được thực hiện trên môi trường số.

- Hoàn thành công tác số hoá văn bản, tài liệu theo hướng dẫn và yêu cầu của Trung ương.

- 100% văn bản không mật được ký số, gửi, nhận, xử lý trên môi trường số; các tài liệu mật, tối mật của Đảng được số hoá và quản lý, sử dụng trên môi trường số theo hướng dẫn của Trung ương.

- Phần đầu 100% hồ sơ công việc phát sinh được tạo lập, xử lý trên môi trường điện tử và hoàn thành số hoá toàn diện các tài liệu lưu trữ lịch sử đã được chỉnh lý.

2.4. Công tác nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng triển khai trên môi trường số

- Phát triển các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Phát triển các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong tham mưu, tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ của công tác văn phòng.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực phát thanh, truyền hình, truyền thông số, báo điện tử trên môi trường internet.

- Triển khai các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng.

2.5. Công tác nghiệp vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở được thực hiện trên môi trường số

Ứng dụng các nền tảng số, hạ tầng số vào công tác chuyên môn, nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt việc nắm bắt tình hình nhân dân; hỗ trợ công tác giám sát; đánh giá sự hài lòng của người dân; hỗ trợ các hoạt động cứu trợ, an sinh xã hội; tăng cường tương tác, nâng cao hiệu quả hoạt động tập hợp nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tạo đồng thuận xã hội; tăng cường giám sát, phản biện xã hội.

2.6. Nguồn nhân lực chuyển đổi số

- Kiện toàn, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của Phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu, Văn phòng Tỉnh uỷ đảm bảo tuân thủ hướng dẫn số 39-HD/BTCTW ngày 08/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ phòng chuyển đổi số thuộc văn phòng các ban, cơ quan Đảng ở Trung ương, phòng Chuyển đổi số - Cơ yếu thuộc Văn phòng Tỉnh uỷ, thành uỷ và bộ phận chuyên trách công tác chuyển đổi số và cơ yếu tại các Đảng uỷ xã, phường, đặc khu.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi nhân tài, tuyển dụng, bố trí cán bộ chuyên trách về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ tuyên truyền

- Tổ chức phổ biến, quán triệt sâu rộng chủ trương, nâng cao nhận thức của cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu về sự cần thiết, tính cấp thiết và vai trò của chuyển đổi số.

- Thực hiện công tác tuyên truyền với nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên các cơ quan đảng về chuyển đổi số.

- Tiếp nhận, triển khai các giải pháp truyền thông, các công cụ hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tiếp cận, sử dụng các hệ thống thông tin trên môi trường số.

2. Phát triển hạ tầng số

Bám sát chỉ đạo, đầu tư, trang cấp của Trung ương và khả năng, điều kiện tự cân đối của địa phương, đẩy mạnh việc nâng cấp, phát triển hạ tầng số, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu chuyển đổi số trong cơ quan đảng, trong đó:

- Đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, bổ sung, nâng cấp, thay thế kịp thời các trang thiết bị đầu cuối (máy tính, máy in, máy quét,...) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan đảng. Đầu tư, nâng cấp các hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị, hệ thống mạng nội bộ phục vụ triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm nghiệp vụ cho các cơ quan đảng.

- Bảo đảm hạ tầng kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng qua mạng truyền số liệu chuyên dùng với băng thông rộng, tốc độ cao, kết nối các cơ quan đảng từ tỉnh với Trung ương và cơ sở; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội; kết nối mạng Internet có kiểm soát.

- Các cơ quan, đơn vị, các xã phường rà soát, nâng cấp trang thiết bị đầu cuối bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Mô hình chuyển đổi số cấp xã do Văn phòng Trung ương; Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn và các quy định, hướng dẫn khác có liên quan. Hoàn thành chậm nhất trước ngày 01/6/2026.

- Xây dựng kế hoạch di chuyển Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy Hà Giang (trước sáp nhập) về Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy Tuyên Quang (sau sáp nhập), đáp ứng nhu cầu về kho lưu trữ dữ liệu điện tử; số hóa tài liệu; bảo quản dữ liệu điện tử các cơ quan Đảng tỉnh.

- Chủ động, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư: (i) trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã. (ii) hoàn chỉnh hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp cơ sở theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng, trang bị thiết bị điều khiển đa điểm (MCU) phục vụ các cuộc họp trực tuyến nội tỉnh và chuyển tiếp kết nối từ Trung ương. (iii) đầu tư, mua sắm (theo yêu cầu thực tế) các thiết bị đầu cuối phù hợp (bao gồm cả máy

tính bản),... để tạo lập môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp cho cán bộ, đảng viên. Hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

3. Tiếp nhận, triển khai và đưa vào sử dụng nền tảng số, ứng dụng số

- Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng để phục vụ công tác tổ chức, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ. Trong đó, tập trung phát triển, triển khai cơ sở dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị.

- Các ứng dụng văn phòng dùng chung cho toàn bộ các cơ quan đảng, hướng đến văn phòng số không giấy tờ, làm việc trên môi trường số: Quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp; sổ tay Đảng viên; Thi đua khen thưởng; Quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo; Quản lý văn kiện, mục lục hồ sơ; Theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh uỷ; Quản lý báo cáo lãnh đạo chủ chốt hàng tháng; Quản lý chương trình làm việc của Ban Thường vụ, Thường trực Tỉnh uỷ; Quản lý hồ sơ công việc; Quản lý lịch công tác; Thư viện điện tử; Số hoá và quản lý số hoá; Trợ lý ảo ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn; hệ thống đào tạo trực tuyến; các ứng dụng phục vụ chuyên môn, nghiệp vụ khác.

- Hệ thống ứng dụng phục vụ công tác quản lý tài chính, tài sản của Đảng, đảm bảo quản lý thống nhất trong cơ quan đảng trên môi trường số, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống tài chính, tài sản của các bộ, ngành, cơ quan liên quan.

- Các ứng dụng số phù hợp với định hướng triển khai trên nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ cho các thiết bị di động thông minh, truy cập khai thác qua một Cổng ứng dụng.

- Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực công tác văn phòng để đổi mới công tác tham mưu, tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm là "trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo". Trong đó, tập trung chuyển đổi số trong công tác phục vụ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Thường trực Tỉnh uỷ và cấp uỷ các cấp.

- Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng; tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ban, ngành, địa phương có liên quan.

- Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận phục vụ công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; các chủ trương, đường lối của Đảng về lĩnh vực tuyên giáo và dân vận. Trong đó, tập trung tuyên truyền, lý luận chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, lịch sử Đảng, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, thông tin đối ngoại, khoa học, công nghệ, môi trường, giáo dục, y tế, thể dục, thể thao, dân số, gia đình, trẻ em, tình hình cơ sở, tình hình dư luận xã hội, tình hình Nhân dân...

- Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu số trong lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp phục vụ triển khai các hoạt động thu thập, tổng hợp dữ liệu, báo cáo thống kê; tái cấu trúc nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số. Trong đó tập trung công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo,...

- Các cơ quan đảng tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế, xây dựng, triển khai các phần mềm, ứng dụng nội bộ phục vụ cho công tác chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị theo Kế hoạch chuyển đổi số chung hằng năm của tỉnh.

- Khuyến khích các đơn vị ứng dụng công nghệ phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc tổng hợp, dự báo, tham mưu, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

- Thực hiện rà soát, làm sạch và chuẩn hoá hệ thống danh mục dữ liệu dùng chung trong các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh số hoá toàn diện tài liệu nghiệp vụ theo lộ trình, hình thành kho dữ liệu tập trung kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ hiệu quả công tác phân tích, dự báo và xử lý chuyên môn trên môi trường số. Hoàn thành theo lộ trình của Trung ương.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu; trước hết tập trung cắt giảm nhóm thủ tục hành chính yêu cầu xác nhận, nhóm thủ tục yêu cầu thông báo hoặc báo cáo; thống nhất và ban hành danh mục các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ trong hệ thống các cơ quan Đảng. Số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin. Chuẩn hoá các biểu mẫu, quy trình theo hướng đơn giản hoá, loại bỏ các bước trung gian không cần thiết để sẵn sàng cho việc cấu hình trên môi trường số. Hoàn thành trước ngày 30/8/2026 và tiếp tục thực hiện trong các năm tiếp theo.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động rà soát, tối ưu hoá các quy trình phối hợp và thủ tục nội bộ thuộc thẩm quyền theo phương châm "đơn giản hoá trước, số hoá sau" nhằm rút ngắn ít nhất 30% thời gian giải quyết công việc. Hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

4. Phát triển dữ liệu số dùng chung

- Phát triển kho dữ liệu dùng chung của tỉnh trên nền tảng Trung tâm tích hợp dữ liệu phục vụ phân tích, xử lý, cung cấp, phân phối dữ liệu.

- Rà soát, đánh giá, làm sạch dữ liệu đã số hóa; tiếp tục hoàn thiện công tác số hóa tài liệu và đưa vào sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan đảng; khai thác dữ liệu, thông tin do các cơ quan có thẩm quyền chia sẻ để phân tích, dự báo, phục vụ hoạt động và công tác chuyên môn.

- Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, đơn vị liên quan trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước tuân thủ quy định của

Đảng, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của cơ quan đảng Trung ương.

- Số hoá văn bản, tài liệu nghiệp vụ tại cơ quan đảng tỉnh theo từng giai đoạn.

5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

- Xây dựng hồ sơ, tổ chức đánh giá, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt cho các hệ thống thông tin.

- Triển khai đồng bộ toàn diện các giải pháp, công cụ an toàn thông tin, bảo mật, các dịch vụ hệ thống, xác thực đa lớp... để bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trên môi trường số...

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước; sử dụng thiết bị lưu trữ bảo mật, các giải pháp mã hoá và bảo vệ quyền truy cập, bảo đảm an toàn việc trao đổi thông tin, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường số ở các cấp.

- Phối hợp với cơ quan chức năng thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng, các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; đồng thời triển khai các giải pháp ngăn chặn, phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn thông tin.

- Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng. Cử cán bộ công nghệ thông tin, cơ yếu tham gia tập huấn sử dụng và quản lý các sản phẩm mật mã theo chương trình của Ban Cơ yếu Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng.

- Bảo đảm hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng tốc độ cao, băng thông rộng, an toàn, thông suốt, kết nối các trung tâm dữ liệu, hệ thống thông tin của các cơ quan đảng.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, rà soát làm sạch mã độc, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức diễn tập phòng thủ, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

6. Nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực

- Cử cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số do các cơ quan Trung ương tổ chức và tổ chức các lớp của địa phương theo yêu cầu.

- Cử cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các ứng dụng, an toàn thông tin, quản lý, vận hành hệ thống và các lĩnh vực chuyên môn do các cơ quan Trung ương tổ chức và tổ chức các lớp của địa phương theo yêu cầu.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng về an toàn thông tin, kỹ năng phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, người lao động đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ.

- Tuyển dụng, tiếp nhận, tiếp nhận biệt phái những nhân sự có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm, phù hợp với công tác cơ quan đảng để bố trí cho các bộ phận, vị trí việc làm tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Tiếp nhận Hệ thống định mức chi phí hành chính điện tử. Hằng năm, thực hiện kiểm toán và công khai chỉ số tiết kiệm của từng đơn vị trên hệ thống theodoinq.dcs.vn. Tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo các đơn vị không đạt chỉ tiêu giảm chi phí (trong khi đã được đầu tư hạ tầng số) sẽ được xem xét trừ điểm trên bảng xếp hạng. Theo lộ trình dự án của Trung ương.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan liên quan hướng dẫn việc thực hiện Nghị định 179/2025/NĐ-CP, ngày 01/7/2025 của Chính phủ cho các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị. Theo lộ trình của Trung ương.

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư cho chuyển đổi số để tránh nguy cơ lãng phí. Phát hiện sớm các nguy cơ và có giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra hậu quả rồi mới xử lý. Nhiệm vụ thường xuyên.

- Triển khai các giải pháp số hoá toàn diện quy trình nghiệp vụ nhằm tối ưu hoá chi phí vận hành. Phấn đấu đến hết năm 2026, giảm từ 30% đến 50% chi phí văn phòng phẩm, in ấn, gửi nhận văn bản và lưu trữ vật lý so với mức trung bình giai đoạn trước. Lấy kết quả cắt giảm chi phí hành chính làm tiêu chí quan trọng để đánh giá hiệu quả đầu tư và mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị. Nhiệm vụ thường xuyên.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, gắn chỉ tiêu hiệu quả cải cách hành chính số vào công tác thi đua, khen thưởng hằng năm.

(Phụ lục I. Lộ trình triển khai các nhiệm vụ chủ yếu kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Tổng nhu cầu kinh phí năm 2026: 29.900 triệu đồng.

2. Nguồn vốn: Nguồn ngân sách Trung ương; Nguồn ngân sách tỉnh; Nguồn vốn xã hội hóa và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3. Cấp uỷ, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo bố trí dự toán kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong kế hoạch, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, tiết kiệm và hiệu quả, tránh lãng phí. Các cơ quan là chủ đầu tư và các cơ quan, đơn vị thụ hưởng phải quyết liệt trong công tác giải ngân, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc để bảo đảm tiến độ các dự án theo đúng kế hoạch; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng chậm giải ngân do chủ quan dẫn đến lãng phí nguồn lực và thời gian. Hoàn thành theo lộ trình của Đề án.

4. Hoàn thành công tác giải ngân 100% dự toán kinh phí đã bố trí cho dự án Chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

(Phụ lục II. Biểu nhu cầu kinh phí chuyển đổi số cơ quan Đảng năm 2026).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh

Lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai công tác chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng đảm bảo chặt chẽ, đầy đủ, hiệu quả theo các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh. Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng việc triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng của tỉnh.

2. Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy

- Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của cấp ủy đảng và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động về nhu cầu cấp thiết của chuyển đổi số trong các cơ quan đảng.

- Trên cơ sở mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2028 và chức năng, nhiệm vụ được giao, xây dựng Kế hoạch hàng năm triển khai Kế hoạch này; bảo đảm nguồn kinh phí, nhân lực để thực hiện chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Xây dựng, ban hành, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án Chuyển đổi số năm 2026; đôn đốc thường xuyên việc thực hiện; rà soát các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công nghệ thông tin, chuyển đổi số để bảo đảm thống nhất, tránh trùng lặp, lãng phí, hoàn thành trước ngày 05/3/2026; rà soát, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản thuộc lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ làm căn cứ triển khai Kế hoạch.

- Tổ chức khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ của cơ quan đảng đúng quy định, hiệu quả; bảo đảm thiết bị đầu cuối cho người dùng và mạng máy tính các cơ quan kết nối mạng của Đảng.

- Chủ trì rà soát, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức triển khai các văn bản quy định, hướng dẫn về quy trình nghiệp vụ, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực của cơ quan đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy tiếp nhận, đầu tư, nâng cấp, quản lý sử dụng hiệu quả hạ tầng số; tiếp nhận, tổ chức hướng dẫn, khai thác, sử dụng, bảo vệ dữ liệu hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành; liên thông, tích

hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin khác theo tiến độ Kế hoạch đề ra.

- Khẩn trương số hoá hồ sơ, tài liệu phục vụ việc triển khai công việc trên môi trường số. Dữ liệu triển khai số hoá cần được làm sạch, bóc tách các thành phần và lưu trữ trong cơ sở dữ liệu, đảm bảo nhu cầu khai thác tài liệu phục vụ thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ Giúp việc Ban Chỉ đạo trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Người đứng đầu các đảng uỷ, tổ chức đảng chịu trách nhiệm trực tiếp về công tác chuyển đổi số trong cơ quan; tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp uỷ đảng và cán bộ, công chức về nhu cầu cấp thiết của chuyển đổi số trong cơ quan đảng.

- Định kỳ hằng quý báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng (trước ngày 23 tháng cuối quý), gửi Ban Chỉ đạo (qua Văn phòng Tỉnh uỷ) tổng hợp.

3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh và chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội của Trung ương, xây dựng kế hoạch, xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình để tổ chức triển khai thực hiện; tổ chức kết nối, chia sẻ, cập nhật, khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung của các cơ quan đảng tỉnh.

4. Đảng uỷ Uỷ ban nhân dân tỉnh

- Chỉ đạo triển khai các giải pháp liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước với các cơ quan đảng tỉnh; kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm do tỉnh đầu tư, nâng cấp trước khi đưa vào sử dụng.

- Chỉ đạo Đảng uỷ Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh uỷ và các cơ quan, đơn vị liên quan bảo đảm hạ tầng kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng bộ tỉnh qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng và Nhà nước với tốc độ cao, kết nối các cơ quan đảng từ tỉnh đến cơ sở; kết nối với các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; kết nối Internet có kiểm soát.

- Chỉ đạo Đảng uỷ Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Tỉnh uỷ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này; hướng dẫn các cơ quan đảng tỉnh trình tự, thủ tục đầu tư, mua sắm, thuê dịch vụ công nghệ thông tin để triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo lộ trình Kế hoạch đề ra.

5. Ban Tổ chức Tỉnh uỷ

Tham mưu, đề xuất cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về cơ cấu tổ chức, biên chế, tiêu chuẩn cán bộ chuyên trách nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

6. Văn phòng Tỉnh uỷ (Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo)

- Chủ trì tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh chỉ đạo công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh; triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng tỉnh; kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, tổng kết, khen thưởng, báo cáo kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Điều phối hoạt động giữa các cơ quan trong việc triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng. Trên cơ sở chỉ đạo, hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền, tham mưu triển khai thực hiện cơ chế, chính sách liên quan đến quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện công tác chuyển đổi số trong các cơ quan đảng. Tham mưu, thực hiện tiếp nhận, đầu tư, triển khai hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số, dữ liệu số dùng chung và các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan đảng tỉnh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định, hướng dẫn của Trung ương; bảo đảm phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin của Tỉnh uỷ với hệ thống thông tin của Trung ương.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có chức năng để tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức về chuyển đổi số và kỹ năng số cho các cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan đảng tỉnh và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan đảng tỉnh.

- Tổ chức khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung và các phần mềm nghiệp vụ của cơ quan đảng đúng quy định, hiệu quả; tham mưu công tác bảo đảm trang thiết bị cho người dùng và mạng máy tính các cơ quan kết nối mạng của Tỉnh uỷ theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương.

- Tham mưu xây dựng báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh về tình hình, kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh theo định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan đề nghị cấp có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân trong việc triển khai kế hoạch; phê bình, yêu cầu xử lý theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước đối với tập thể, cá nhân có vi phạm, khuyết điểm trong công tác thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có chỉ đạo của các tổ chức đảng, cơ

quan Trung ương hoặc thực tiễn phát sinh các nội dung cần điều chỉnh bổ sung, các cơ quan, đơn vị báo cáo, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy) để xem xét, chỉ đạo thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo Trung ương Chuyển đổi số các cơ quan đảng (đề báo cáo),
- Văn phòng Trung ương Đảng (đề báo cáo),
- Các đồng chí Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh,
- Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các sở, ngành: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Nội vụ, Công an tỉnh,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Các phòng trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**



Lê Thị Kim Dung

Kiểm bởi Tỉnh ủy Tuyên Quang
Thời gian ký: 26/02/2026 16:52:3

Lộ trình triển khai chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang năm 2026



Ký bởi: Tỉnh ủy Tuyên Quang
Thời gian ký: 26/02/2026 16:52:44

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|----------------------|---------|
| I | PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ | | | | |
| 1.1 | Tổ chức lại Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang tuân thủ kiến trúc số trong đảng | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan Đảng | Quý III năm 2026 | |
| 1.2 | Phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số của các cơ quan đảng tỉnh | | | | |
| a) | Rà soát, nâng cấp thay thế kịp thời các trang thiết bị đầu cuối (máy tính mặt, máy in, máy quét,...) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các cơ quan đảng tỉnh | Văn phòng Tỉnh ủy | Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy | Quý II năm 2026 | |
| b) | Đầu tư, nâng cấp các hạ tầng công nghệ thông tin, trang thiết bị, hệ thống mạng nội bộ. | Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy | Văn phòng Tỉnh ủy | Quý II năm 2026 | |
| c) | Triển khai đường truyền kết nối mạng thông tin diện rộng đến cấp xã | Văn phòng Tỉnh ủy | Đảng ủy cấp xã | Quý II năm 2026 | |
| 1.3 | Chủ động, ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư | Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy | Văn phòng Tỉnh ủy | Quý II năm 2026 | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------|
| a) | Trang bị đồng bộ hạ tầng kỹ thuật với đường truyền kết nối mạng có băng thông rộng, thực hiện kết nối Internet có kiểm soát tại cấp tỉnh và từng bước thực hiện tại cấp xã | Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ | Văn phòng Tỉnh uỷ | Quý II năm 2026 | |
| b) | Hoàn chỉnh hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp cơ sở theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng, trang bị thiết bị điều khiển đa điểm (MCU) phục vụ các cuộc họp trực tuyến nội tỉnh và chuyển tiếp kết nối từ Trung ương | Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ | Văn phòng Tỉnh uỷ | Quý II năm 2026 | |
| c) | Đầu tư, mua sắm (theo yêu cầu thực tế) các thiết bị đầu cuối phù hợp (bao gồm cả máy tính bảng),... để tạo lập môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp cho cán bộ, đảng viên | Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ | Văn phòng Tỉnh uỷ | Quý II năm 2026 | |
| II | PHÁT TRIỂN NỀN TẢNG SỐ, ỨNG DỤNG SỐ | | | | |
| 2.1 | Tiếp nhận, triển khai và đưa vào sử dụng đồng bộ, thống nhất, hiệu quả các hệ thống thông tin chuyên ngành, phần mềm ứng dụng, dịch vụ dùng chung do các cơ quan đảng ở Trung ương xây dựng, chuyển giao | | | Thực hiện theo Lộ trình của Trung ương | |
| a) | Triển khai Sở tay đảng viên điện tử | Ban Tổ chức Tỉnh uỷ | Văn phòng Tỉnh uỷ Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Quý I/2026 | |
| b) | Các ứng dụng văn phòng dùng chung cho toàn bộ các cơ quan đảng từ Trung ương đến cơ sở hướng đến văn phòng số không giấy tờ, làm việc trên môi trường số | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Quý I/2026 | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------|----------------------|---------|
| c) | Hệ thống ứng dụng phục vụ công tác quản lý tài chính, tài sản của Đảng, đảm bảo quản lý thống nhất trong các cơ quan đảng tỉnh trên môi trường số, có kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống tài chính, tài sản của các bộ, ngành, cơ quan liên quan | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| d) | Các ứng dụng số phù hợp với định hướng triển khai trên nền tảng điện toán đám mây, hỗ trợ cho các thiết bị di động thông minh, truy cập khai thác qua một Cổng ứng dụng | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| e) | Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tổ chức - xây dựng Đảng để phục vụ công tác tổ chức, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ. | Ban Tổ chức Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Quý II năm 2026 | |
| f) | Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực đối ngoại của Đảng | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| g) | Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực công tác văn phòng đề đòi mới công tác tham mưu, tổng hợp, chuyên môn, nghiệp vụ; bảo đảm là "trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo". | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| h) | Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực kiểm tra, giám sát, kỷ luật đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật trong Đảng phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng trong đảng, công tác kiểm soát tài sản, thu nhập và kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ, đảng viên theo quy định của Điều lệ Đảng; tích hợp, liên thông, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ban, ngành, địa phương có liên quan | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|---------|
| i) | Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực tuyên giáo và dân vận phục vụ công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, đạo đức; các chủ trương, đường lối của Đảng về lĩnh vực tuyên giáo và dân vận. | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| j) | Các ứng dụng số, cơ sở dữ liệu số trong lĩnh vực nội chính, cải cách tư pháp phục vụ triển khai các hoạt động thu thập, tổng hợp dữ liệu, báo cáo thông kê; tái cấu trúc nghiệp vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số | Ban Nội chính Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| k) | Các hệ thống thông tin bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ | Ban Tổ chức Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| 2.2 | Xây dựng, thuê dịch vụ, nâng cấp các phần mềm nội bộ, đặc thù của tỉnh | | | | |
| a) | Nâng cấp phần mềm hợp không giấy tờ, gửi tin nhắn mời họp, tài liệu qua hệ thống SMS | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| b) | Các cơ quan, đơn vị rà soát, bổ sung các phần mềm, dịch vụ công nghệ thông tin cần đầu tư, cần thuê và lộ trình triển khai để phục vụ nhiệm vụ chuyên đổi số | Các ban đảng tỉnh, Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng uỷ UBND tỉnh | Văn phòng Tỉnh uỷ | Năm 2026 | |
| III | PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ DÙNG CHUNG | | | | |
| 3.1 | Rà soát, đánh giá, làm sạch dữ liệu đã số hóa; tiếp tục hoàn thiện công tác số hóa tài liệu và đưa vào sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các cơ quan đảng tỉnh. Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, đơn vị liên quan trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước tuân thủ quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và hướng dẫn của các cơ quan đảng Trung ương. | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |

| | | | | | |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|--|
| 3.2 | Số hoá văn bản, tài liệu nghiệp vụ tại các cơ quan đảng theo từng giai đoạn. Hoàn thành số hoá 100% tài liệu lưu trữ trong 03 năm gần đây. | Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ; Các ban xây dựng đảng tỉnh | Văn phòng Tỉnh uỷ | Năm 2026 | |
| 3.3 | Tổ chức bộ máy, biên chế, hồ sơ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được số hoá và thực hiện trên môi trường số. | Các Đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ; Các ban xây dựng đảng tỉnh | Ban Tổ chức Tỉnh uỷ | Năm 2026 | |
| IV | BẢO ĐẢM AN TOÀN, AN NINH THÔNG TIN | | | | |
| 4.1 | Xây dựng hồ sơ, tổ chức đánh giá, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai đầy đủ các phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt cho các hệ thống thông tin của Tỉnh Uỷ quản lý. | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 4.2 | Tiếp nhận, triển khai đồng bộ toàn diện các giải pháp, công cụ an toàn thông tin, bảo mật, các dịch vụ hệ thống, xác thực đa lớp... đề bảo đảm an toàn, an ninh các hệ thống thông tin trên môi trường số... | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 4.3 | Thực hiện các giải pháp bảo vệ bí mật nhà nước, bảo mật, xác thực của Ban Cơ yếu Chính phủ cho các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có thông tin, dữ liệu bí mật nhà nước; sử dụng thiết bị lưu trữ bảo mật, các giải pháp mã hoá và bảo vệ quyền truy cập, bảo đảm an toàn việc trao đổi thông tin, gửi, nhận, lưu trữ, xử lý tài liệu bí mật nhà nước trên môi trường số ở các cấp | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|----------------------|---------|
| 4.4 | Xây dựng, bổ sung hệ thống giám sát an toàn, an ninh thông tin với công nghệ hiện đại, giám sát, phát hiện, cảnh báo sớm và ngăn chặn những hành vi bất thường; nguy cơ tấn công đánh cắp dữ liệu; đồng thời có kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống của Văn phòng Trung ương, Bộ Công an theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| 4.5 | Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng; các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 4.6 | Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ người lao động về kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin, an toàn thông tin, an ninh mạng. Cử cán bộ công nghệ thông tin, cơ yếu tham gia tập huấn sử dụng và quản lý các sản phẩm mật mã | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Hàng quý | |
| V | CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN | | | | |
| 5.1 | Tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương, nâng cao nhận thức của cán bộ, lãnh đạo quản lý các cấp, nhất là người đứng đầu về sự cần thiết, tính cấp thiết và vai trò của chuyên đổi số | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 5.2 | Thực hiện công tác tuyên truyền với nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, người lao động các cơ quan đảng tỉnh về chuyên đổi số | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------|
| 5.3 | Tiếp nhận, triển khai các giải pháp truyền thông, các công cụ hướng dẫn cán bộ công chức, viên chức và người lao động tiếp cận, sử dụng các hệ thống thông tin trên môi trường số | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Năm 2026 | |
| VI | PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC | | | | |
| 6.1 | Cử cán bộ chuyên trách chuyển đổi số tham gia tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin do các cơ quan Trung ương tổ chức | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 6.2 | Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng về an toàn thông tin, kỹ năng phân tích, khai thác và xử lý dữ liệu cho cán bộ, công chức, người lao động đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ | Văn phòng Tỉnh ủy | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 6.3 | Kiểm soát chặt chẽ các khoản đầu tư cho chuyển đổi số để tránh nguy cơ lãng phí. Sớm các nguy cơ và có giải pháp phòng ngừa ngay từ đầu, tuyệt đối không để xảy ra hậu quả rồi mới xử lý | Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Các ban xây dựng đảng tỉnh | Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy | Thường xuyên | |
| 6.4 | Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, gắn chỉ tiêu hiệu quả cải cách hành chính số vào công tác thi đua, khen thưởng hằng năm | Các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; Các ban xây dựng đảng tỉnh | Ban Tổ chức Tỉnh ủy | Thường xuyên | |
| VII | XÂY DỰNG, BAN HÀNH HỆ THỐNG VĂN BẢN | | | | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------|---------|
| 7.1 | Rà soát, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức triển khai các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn về quản lý, vận hành Trung tâm dữ liệu của Tỉnh uỷ; quản lý sử dụng chữ ký số; triển khai sử dụng các hệ thống thông tin dùng chung... | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 7.2 | Rà soát, ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành, tổ chức triển khai các văn bản quy định, hướng dẫn về quy trình nghiệp vụ, quản lý, sử dụng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thuộc lĩnh vực của cơ quan, đơn vị. Xây dựng và ban hành các văn bản quy định, quy chế, hướng dẫn triển khai sử dụng các phần mềm: Quản lý văn bản điều hành và tác nghiệp; - Theo dõi tình hình thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương; - Quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo; - Sở tay Đảng viên điện tử; - Kiến trúc số - Cơ sở dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị - Các hệ thống thông tin dùng chung đặc thù của tỉnh.. | Các ban đảng tỉnh, Đảng uỷ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng uỷ UBND tỉnh | Văn phòng Tỉnh uỷ | Thường xuyên | |
| 7.3 | Rà soát, xây dựng, ban hành quy trình, thủ tục thống nhất, đồng bộ về tiếp nhận, xử lý văn bản trong các cơ quan đảng trên môi trường số, tiến tới mô hình văn phòng không giấy. Xây dựng, ban hành bộ thủ tục hành chính của các cơ quan đảng (bao gồm cả liên thông), đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong toàn bộ các cơ quan đảng từ Trung ương đến địa phương, đơn giản hoá thủ tục hành | Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ | Văn phòng Tỉnh uỷ | Năm 2026 | |
| 7.4 | | Văn phòng Tỉnh Uỷ | Các cơ quan Đảng | Thường xuyên | |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian hoàn thành | Ghi chú |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------|---------|
| | chính, nâng cao hiệu quả xử lý và giúp các tổ chức, cá nhân có thể dễ dàng tiếp cận, tra cứu | | | | |
| VIII | TỔ CHỨC ĐÔN ĐỌC, GIÁM SÁT, KIỂM TRA | | | | |
| 8.1 | Thường xuyên chỉ đạo đầy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh | Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |
| 8.2 | Định kỳ giám sát, kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch | Văn phòng Tỉnh uỷ | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Thường xuyên | |

Phụ lục II. BIỂU NHU CẦU VỐN CHUYỂN ĐỔI SỔ CƠ QUAN ĐẢNG GIAI ĐOẠN 2026



Ký bởi: Tỉnh ủy Tuyên Quang
Thời gian ký: 26/02/2026 16:52:54

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Nhu cầu kinh phí |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------|
| | | | | năm 2026 |
| 1 | Tổ chức lại Trung tâm tích hợp dữ liệu của các cơ quan Đảng tỉnh Tuyên Quang tuân thủ kiến trúc số trong đảng | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan Đảng | 5.000 |
| 2 | Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chuyển đổi số của các cơ quan đảng tỉnh (đáp ứng cấu hình tối thiểu theo Quyết định số 3676-QĐ/TW) | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan Đảng | 10.000 |
| 3 | Xây dựng, thuê dịch vụ, nâng cấp các phần mềm nội bộ, đặc thù của tỉnh | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | 1.000 |
| 4 | Nâng cấp Công thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy | Văn phòng Tỉnh ủy | 1.500 |
| 5 | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động cơ quan Đảng | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | 200 |
| 6 | Số hoá văn bản, tài liệu nghiệp vụ tại các cơ quan đảng, theo từng giai đoạn | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | 10.000 |
| 7 | Triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo hồ sơ đề xuất cấp độ được phê duyệt cho các hệ thống thông tin của Tỉnh Ủy quản lý. | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, phương | 1.000 |

| STT | Nội dung nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Nhu cầu kinh phí |
|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------|
| | | | | năm 2026 |
| 8 | Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, an ninh mạng, các thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | 200 |
| 9 | Tổ chức tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin, an ninh mạng, quản lý các sản phẩm mật mã | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, | 200 |
| 10 | Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, cho cán bộ, công chức, người lao động đáp ứng yêu cầu phục vụ hiệu quả cho công tác chuyên môn, nghiệp vụ | Văn phòng Tỉnh ủy | Ban Tổ chức Tỉnh ủy; Sở Khoa học và Công nghệ; Các cơ quan, đơn vị | 300 |
| 11 | Triển khai các phương án, giải pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin (Phần mềm diệt Virus,...) | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | 200 |
| 12 | Hoạt động Ban Chi đạo chi đạo, điều hành, kiểm tra đánh giá tình hình chuyển đổi số trong các cơ quan đảng tỉnh | Văn phòng Tỉnh ủy | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | 300 |
| Tổng nhu cầu kinh phí 2026 | | | | 29.900 |